



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE NGOC HU
Last Middle First

Current Address 472 Diên Biên Phủ P. 17 Q Bình Thạnh TP HCM

Date of Birth 1980 Place of Birth Long An

Previous Occupation (before 1975) Capt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/23/75 To 02/28/80

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại Tân Lập
Số 55

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tân lập - Tự do - Bình đẳng

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 1980

SỐ HS/LĐ 10101213171812171712121

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 866-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:
Thủ hành án văn, quyết định (hà số) 992 ngày 12 tháng 2 năm 1980
của Bộ Nội vụ
Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:
Họ, tên khai sinh Lê Ngọc Hồ
Họ, tên thường gọi
Họ, tên bí danh
Sinh ngày tháng năm 1940
Nơi sinh Thị trấn, Long An
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt
Số 472 Đường Phan thanh, Quận 4, P. 2, Quận Thạnh Mỹ Tây, S3
Cần Giuộc, Đại úy sự lý thường vụ
Bị bắt ngày 23/6/1975 Án phạt TTCT
Theo quyết định, Án văn số ngày tháng năm của
Đã bị tước án lần, cộng thành năm tháng
Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng
Nay về cư trú tại Số 139 Tổ 25, P. 2, X. Thủ Đức, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Trong thời gian cải tạo tại trại đã có biểu hiện tiến bộ, tin tưởng vào đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước.
Lao động: Đảm bảo thực ngày công. Mọi quy chấp hành tốt chưa có gì sai phạm lớn.
Hàng năm xếp loại cải tạo trung bình.

Lập, tay nguyên trại phải
Của Lê Ngọc Hồ
Danh hiệu số 7984
Lấy tại Quân pháp

Họ, tên, chức
người được cấp giấy

Tham mưu

Ngày 28 tháng 2 năm 1980
K/T. Giám thị
Phó giám thị

M. B. B.

Lê Ngọc Hồ

Thượng tá: Phùng viết Bân

PHAN DINH PHONG



LÊ - NGOC - HỒ



BU Đ. CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet Nam

MÁY BAY CHÍNH
PAR AVION
Service des Postes

Mẫu 7 - 15 X 10
- 15 X 10
- 15 X 10

AVION

GIẤY BẢO

Avis de (2)

BU Đ. CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet Nam

HANG XANH
22 7 88
Nhận
Trả tiền
Hàng

CHÍNH PHỦ
hoàn giấy báo
Tinh thần
reproduction

(3) Địa chỉ: Lê Ngọc
Adresse: 472 Điện Biên Phủ phường 17
ở (à) Quốc Bình Thanh (Pays) Quận phố Hồ Chí Minh

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
và dán là nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (*Biffer ce qui ne convient pas*).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le bureau
à l'origine

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoi recommandé

Ký gửi tại Bưu cục
déposé au bureau de poste de
ngày 22/7/88
le 19

Hàng Xanh

số 813

Địa chỉ người nhận
Adresse du destinataire

007 Panjabhum Building

147 Sathorn Tower Bangkok

10110 Thailand K1 (402) RB8W4

Ghi ở Bưu cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré
ngày
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

17 AUG 1988

Chữ ký nhân viên
Bưu cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận
Timbre du bureau
destinataire

BÍ CHỮ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

--*--

Ngày 19 Tháng 4 Năm 1989

Kính gửi : Ông Lê Ngọc Hồ

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà để ngày

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thịnh tình đó, chúng tôi luôn luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diên tiến điều hoà để sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phưởng được những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà phần tích cực từ về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh để cấp tối. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,

Khúc Minh Thơ

*** HỒ SƠ TÊN: Lê Ngọc Hồ

☐ ĐIỂN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 1 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- ☐ Hồ sơ bảo trợ ☐ IV# , ☐ LOI , ☐ Exit visa , ☐ I-171 . ☐ GIẤY RA TRẠI
☐ Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
☐ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
☐ Giấy bảo tử (nếu chết trong trại học tập)
☐ Tài liệu liên hệ đến tu nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ) huy chương v.v...

*** CÁC THƯ KHÁC:

QUESTIONNAIRE FOR U.S. APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP QUÂN

GDP IV, 1

Date:

Ngày: 22-7-1968

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh, tiếng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết bằng Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : LÊ NGỌC HỒ Sex: Nam
Phái
2. Other Names
Tên, tên khác : KHÔNG
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : Năm 1940. Bình Lập, Tân An (Long An)
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Tam Trại số 472 Trường Tiền Biên Phú
Phường 17 Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tru : Số 472 Trường Tiền Biên Phú, Phường 17 Quận
Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : Đáp xu hiện hành chế cát - gravel

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dình
1. <u>Đã lập gia đình</u>	<u>20-3-1950</u>	<u>Phước An</u>	<u>Nữ</u>	<u>Chưa lập</u>	<u>Vợ</u>
2. <u>Lê Trần Huy</u>	<u>20-1-1971 (M)</u>	<u>Ninh Hòa</u>	<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
3. <u>Lê Trần Thanh</u>	<u>20-1-1971</u>	<u>Ninh Hòa</u>	<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
4. <u>Lê Trần Huệ</u>	<u>1-2-1972 (M)</u>	<u>Ninh Hòa</u>	<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
5. <u>Lê Trần Việt</u>	<u>3-1-1972</u>	<u>Ninh Hòa</u>	<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
6. <u>Lê Trần Việt</u>	<u>9-1-1972</u>	<u>Ninh Hòa</u>	<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
7. <u>Lê Trần Việt</u>	<u>3-1-1975</u>	<u>Gia Định</u>	<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
8. <u>Lê Ngọc Huệ</u>	<u>1965</u>	<u>Long An</u>	<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con (vợ trước)</u>
9. <u>Lê Ngọc Tuấn</u>	<u>17-4-1966</u>	<u>Thị trấn</u>	<u>Nam</u>	<u>Có gia đình</u>	<u>Con (vợ trước)</u>
10. <u>Phạm Thị Thanh Trúc</u>	<u>1970</u>	<u>Bình Trị</u>	<u>Nữ</u>	<u>Có gia đình</u>	<u>Con</u>
11.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-dình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần 1.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoài Quốc Gia

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	không	không
b. Relationship Liên-hệ gia-dinh		
c. Address Địa-chỉ		
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ		
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	không	không
b. Relationship Liên-hệ gia-dinh		
c. Address Địa-chỉ		

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	Lê Văn Nớc (sống)
2. Mother Mẹ	Phạm Thị Kim (sống)
3. Spouse Vợ/Chồng	Trần Thị Ngọc Thanh (sống)
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có)	Nguyễn Thị V (đã ly dị vào tháng 1 năm 1974)
5. Children Con cái:	(1) Lê Trần Hùng (2) Lê Trần Oanh (3) Lê Trần Hòa (4) Lê Trần Hiệp (5) Lê Trần Đức (6) Lê Trần Kim Xén (7) Lê Ngọc Hùng (8) Lê Ngọc Tài (9)
6. Siblings Anh chị em:	(1) Lê Thị Mạnh (Chị) sống (2) Lê Thị Duyên sống (3) Lê Thị Xuân Trích sống (4) Lê Văn An sống (5) (6) (7) (8) (9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : KHÔNG

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : KHÔNG

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : KHÔNG

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: L2 - NGUYEN HO

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 1960 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu tá Serial Number:
Số chỉ nhân-viên: 60/128313

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/văn-Vị Binh-Chúng : Sở An ninh 3 Tổng cục long An, Tiền đồn Trảng BSA
Trấn An ninh 308

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Đại tá Tiểu cục trưởng long An Trần-Vinh-Huyền

7. Names of American Advisor(s): SFC CHARLES D. KRENDEL 152-34-7744
 Họ tên cố vấn Mỹ : US A. Engr. Command (FAC Bn) 100 09757, TĐ VN Cầm
 8. U.S. Training Courses in Vietnam: 2^o Camp Stryker, NTC, MACV, IV Tm HC AFST 96210
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ : khóa 3^o Bính Sư Cấp 1993, Tiến Sĩ Tm Tm HC AFST 96210
 tại Viet-Nam : khóa 3^o Bính Sư Cấp 1993, Tiến Sĩ Tm Tm HC AFST 96210
 9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: _____ Date received: _____
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: Ky Thuật Bồi Dưỡng Ngày nhận: 10-31-82 Huy chương

(NOTE: Please attach any copies of Diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bản, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đương sự có không? Có Không.) Ltn Huy chương KK cho công nhân hàng

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoài quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: LÊ NGUYỄN HỒ
 2. School and School Address:
 Trường và địa-chỉ nhà trường: Tungsten School in Hanoi (John Bahaw)
 3. Dates:
 Ngày, tháng, năm From: 4-1969 To: 6-1969
 4. Description of Courses:
 Mô-tả ngành học: Tại chính trong rừng
 5. Who paid for training?
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?: Hội đồng Hoa Kỳ (Cộng đồng)

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bản, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo: LÊ NGUYỄN HỒ
 2. Time in Reeducation: From: 2-6-1975 To: 12-2-1982
 Thời gian học-tập Từ: 2-6-1975 Đến: 12-2-1982
 3. Still in Reeducation? Yes No
 Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
 *(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Remarks/Chú thích

Bản thân tôi khi thi hỏi này vẫn chưa được về quê hương, gia đình tại quê hương bắt đầu nhận tại quê hương và sinh sống ở quê hương, nhưng ở quê hương không được, vì các bạn hỏi tôi, tập xe đạp, và tôi không thể đi được, tôi đang đi, tập xe đạp, không được, rất mệt mỏi, tôi xin được giúp đỡ tôi về quê hương.

Signature: Charles Date: 22-7-1982
 Ký tên: _____ Ngày: _____

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với câu hỏi này



apposee
Tandon, 2 May 1912
L'Administrateur.



VI-DANG
Binh-Lan
Huang-Chu
Huang-Lan
Kot-truong

Truong

(1) Marge réservée pour la mention, en français, des faits et circonstances des actes de l'état civil.
(2) La chữ đỏ hoặc biên bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Nguyễn Văn Lang
27 tuổi
Lam Mui
Binh Lap

ti. học (German) Pour le service du LEP

NAISSANCE Chê de Mui sand

Nom et prénom de l'enfant.....	Lê Ngọc Hồ
Tên, họ dựa con nít.....	Elai
Son sex.....	Norm 1940
Nam, nữ.....	Binh Lap
Date de sa naissance.....	
Sa nh ngày nào.....	
Lien de sa naissance.....	
Sa nh tại chỗ nào.....	
Nom et prénom de son père.....	Lê Văn Mui
Tên, họ cha (con).....	Chê Hồ
phép cưới đã có.....	Binh Lap
thời.....	Tham Thi Mui
Sa profession.....	Moi ho
Cha làm nghề gì.....	Binh Lap
Son domicile.....	
Nhà cửa ở đâu.....	
Nom et prénom de sa mère.....	Lê Văn Mui
Tên, họ mẹ.....	48 ans
Sa profession.....	Chê Hồ
Mẹ làm nghề gì.....	Binh Lap
Son domicile.....	Lê Văn Mui
Nhà cửa ở đâu.....	48 tuổi
Son rang de femme mariée.....	Chuong Suon
Vợ chồng hay là vợ thừ.....	Binh Lap
Nom et prénom du déclarant.....	Lê Văn Mui
Tên, họ người khai.....	48 tuổi
Son age.....	Chuong Suon
Mấy tuổi.....	Binh Lap
Sa profession.....	Lê Văn Mui
Làm nghề gì.....	27 ans
Son domicile.....	Lam Mui
Nhà cửa ở đâu.....	Binh Lap

A. B. C. le 195
T. B. C. le 195
Le Déclarant, Officier de l'Etat Civil, Les témoins.
Người khai, Chức việc coi hộ đời, Các người chứng.
Lê Văn Mui, Lê Văn Mui, Lê Văn Mui
Moi, Lê Văn Mui, Lê Văn Mui
Nguyễn Văn Lang

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 725326 CN

Họ và tên chủ hộ: Trần Thị Ngọc Thanh

Ấp, ngõ, số nhà: 478

Thị trấn, đường phố: Điện Biên Phủ

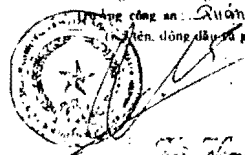
Xã, phường: 47

Huyện, quận: Bình Chánh

Ngày 10 tháng 03 năm 1972

Đã được công an Quận

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Ngọc Thanh

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Trần Thị Ngọc Thanh	chủ hộ	nữ	1958	021339116	Đ. Sĩ Đức	1981		
02	Trần Lê Hoàng	con	nam	1978	022159037	học sinh	"	chính H. Xương Cột B.	H. Sĩ Đức
03	Trần Lê Hoàng	con	nam	1978	022159038	"	"	chính H. Xương Cột B.	"
04	Trần Lê Phú Yên	con	nữ	1978		"	"	chính H. Xương Cột B.	"
05	Trần Lê Kim Ngân	con	nữ	1978		"	"	chính H. Xương Cột B.	"
06	Trần Hoa	con	nam	1972	022159037		1981		Tầng 1, Cột B.
07	Trần Hiệp	con	nam	1972	022159038		1981		Tầng 1, Cột B.
08	Trần Phú Yên	con	nữ	1973			1981		
09	Trần Kim Ngân	con	nữ	1975			1981		
10	Đ. Ngọc Hà	chủ hộ	nam	1960			25. 07. 1979		
11	Đ. Xuân Huy	con	nam	1971			25. 07. 1979		
12	Đ. Xuân Hoàng	con	nam	1971			25. 07. 1979		

Tòa

PHÒNG LỤC-SỰ

TRÁT TRUYỀN RAO

Số 1085-LB.73

(XỬ VỀ VIỆC

Ngày 14.11.1974

Lên sao gộp cho

Chánh-Lục-sự Tòa

SỞ TUYÊN-BLỊCH

báo cho (Ông, Bà) LÊ NGỌC HỒ

TIỂU ĐOÀN 330.ĐP, TIỂU KHU Long An K.C.6763

ngụ tại

T.Đ.Đ. - NGUYỄN THỊ UT,

14/3 Tân-Đ.

hãy: ngày

14

tháng

11

năm 1974

Tòa

SAIGON

xử về việc

LY HẠ

có tuyên án xử

KHUẤT TỊCH

đang vụ (Ông, Bà)

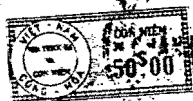
LÊ NGỌC HỒ

liên

NGUYỄN THỊ UT

mà đoàn phân quyết như sau:

BCL:



Xếp-trang-sau

Đã thanh toán lệ phí

Phòng

Bản chánh:

Lục-sự

Bản sao:

Còn niệm:

Bản chánh:

Truyền rao:

Bản sao:

Bưu phiếu:

Cổng:

Ủy-viên Cảnh-Sat

chữ-từ 45

giao bản sao trát này cho

ngày

tháng

năm 1974

VỀ HÌNH THỨC:- Kỉ khuyết tịch,

VỀ NỘI DUNG :- Chiếu vi bằng hòa giải bất thành ngày
02.8.1973 và ngày 21.3.1974.

- Chiếu kết luận của Ủy Ban Lý-dòng Tòa,

- Chấp đơn khởi tố ly(hôn đả ngày 26.6.1972 của LÊ NGOC
HỒ

- Tuyên xử ly hôn giữa LÊ NGOC HỒ và NGUYỄN THỊ UT lỗi
về phần người vợ.

- Truyền giao cho LÊ NGOC HỒ nuôi giữ 2 người con chung
là:-

1/- LÊ NGOC HỒNG

2/- LÊ NGOC TÀI

- Dành cho Nguyễn Thị Ut quyền thăm viếng,

- Truyền giải tán chế độ phu-phụ tài sản giữa đôi bên
và chỉ định Ủy Ban Chứng-Khế NGUYỄN BICH LƯU để thanh toán
khỏi cộng đồng tài sản và Ủy Ban Thẩm-Phán ĐAC MINH LƯU
làm Thẩm-Phán kiểm tra,

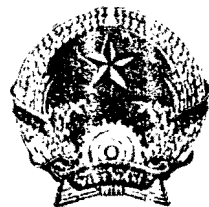
- Ghi rằng vì lý do này mà Ủy Ban Chứng-Khế hay Thẩm-Phán
được chỉ định không thi hành được nhiệm vụ giao phó thì
mọt Chứng Khế hay Thẩm-Phán khác sẽ được cử thay thế do án
lệnh của Ủy Ban Chánh Án Tòa Sơ tại.

- Truyền chuyển tờ chủ văn bản án tiền số hộ tịch đương
niên tạo nơi đã cử bản hôn lễ và ghi chú bên lễ khai sinh
cung không thủ của các đương sự ;

- Truyền công bố chủ văn bản án trên một tờ nhật báo
xuất-bản tại Saigon, 3 cột ; ép đình tố các pháp(định) ;

- Dạy NGUYỄN THỊ UT phải chịu án phí ./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố
Hồ chí Minh
Quận, Huyện
Phước An
Xã, Phường
17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyển số 01
Số 35/88

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ Chân Thị Ngọc Bích
Sinh ngày 28.02.1950
Quê quán
Nơi đăng ký thường trú h72 Điện Biên phủ
phường 17. Phước An
Nghề nghiệp Nội trợ
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 081739118

Họ và tên người chồng Lê Ngọc Hồ
Sinh ngày 1940
Quê quán
Nơi đăng ký thường trú h72 Điện Biên phủ
phường 17. Phước An
Nghề nghiệp Trẻ nhân
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu

Kết hôn ngày 23 tháng 06 năm 1988

Chữ ký người vợ

Chân

Chữ ký người chồng

Lê Ngọc Hồ



phường 17
chủ tịch

Nguyễn Thị Ngọc

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 01052728



Họ Tên TRẦN-THỊ-NGOẠI-THANH

Ngày, nơi sinh 28-03-1950

Phụ-Nhưần-Gia-Dinh

Cha Trần-Văn-Phước

Mẹ Huỳnh-Hồng-Oanh

Địa chỉ 118/6B/2 Hùng-Vương, GD

Nhân vật riêng:

- Chấn sọ gò má trái.

Cao: 1 th 50 T.

Nặng: 40 Kg

Ký đương sự:

Gò-Vấp ngày 20-05-1969

TRƯỞNG CHI CSQG GÒVẤP

NGUYỄN VĂN THỊ PHU.

Nhân trỏ mặt

Nhân trỏ trái



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PhÁP

Département de la Justice

BỘ TƯ-PhÁP NAM-Phân

Việt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SỞ THẨM SÀI GÒN

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

B.4

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

PHÚ NHUẬN

(il du registre des actes de naissance)

GIARINH

(NAM-PHÂN)

(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1950

SỐ HIỆU 259

(Année)

(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TRẦN THỊ NGỌC THÀNH
Tên, nữ (Sexe de l'enfant)	féminin
Ngày sinh (Date de naissance)	28-03-1950
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phú Nhuận
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Trần Văn Phụng
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Entrepreneur
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phước Nhuận
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Huỳnh Hồng Oanh
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phú Nhuận
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	premier rang

Chứng từ

(Note)

Chánh-án Toà

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của

(Certificat l'authenticité de la signature de)

Ông

(M.)

Chánh Lạc-sự Toà-án sở tại.

(Greffier au Chef de la Tribunal).

MIỄN THỊ THỰC

196

CHANH-ÁN

(LE PRÉSIDENT)

Theo quy định số 7435 BTP/HĐV

Giấy này có 38 - 1960 của Bộ Tư Pháp

(Lettre)

Niên-lâm 13.980

(Quittance N°)

Trích y bản chánh,

(Pour extrait conforme)

B. Saigon ngày 8-1

1950 9

K. CHANH LỤC-SỰ,

(LE GREFFIER EN CHEF)



TRẦN THỊ CANH



NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số HTSP/3

Xã, thị trấn Bình Lập
Thị xã, Quận
Thành phố, TỉnhBẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 565

Quyển số 3



Họ và Tên	Lê Ngọc Hùng		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày	Ngày 03 tháng 03 năm một chín sáu mươi			
tháng, năm	Lăm (8-3-1965)			
Nơi sinh	Bình Lập			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Ngọc Hồ		Nguyễn Thị út	
Dân tộc	25 tuổi		25 tuổi	
Quốc tịch				
Nghề nghiệp	quân nhân		vệ sỹ	
Nơi ĐKNC thường trú				
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNC thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Ngọc Hồ 25 tuổi Bình Lập, Quận Bình Phước, Long An			

NHẬN THỰC ^{Thích Lục} ~~350~~ BẢN CHÁNH

Ngày 04 tháng 9 năm 1965

TM/UBND

Ký tên, đóng dấu
ỦY VIÊN THƯỜNG TRƯỞNG

Đã ký ngày 03 tháng 3 năm 1965

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Tờ lại: Lê Văn Thành

Lê Văn Thành

KHAI - SANH



-Chân cụ theo QĐ số
210 của Bộ Tư Pháp
v/v thay đổi họ và
tên cha vào
khai sinh.

TRẦN LÊ HUY, nay

đổi là :

LÊ TRẦN HUY và

tên cha LÊ NGỌC HỒ

-/)/gày 12/12/1988

TR. UBND Phường 17

P. CHỦ TỊCH



TÊN HỌ ẤU-NHI TRẦN LÊ HUY (con trai)

Phái Nam

Sinh ngày 12/12/1988 tại Tân Thành, Bình Sơn, Bình Hòa

(Ngày, tháng, năm) 12/12/1988

Tại Tân Thành, Bình Sơn, Bình Hòa

Cha

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

Cư-trú tại

Mẹ

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

Cư-trú tại Tân Thành, Bình Sơn, Bình Hòa

Vợ chính hay thứ

Người khai

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

Cư-trú tại Tân Thành, Bình Sơn, Bình Hòa

Ngày khai

Người chứng thư nhất

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

Cư-trú tại Tân Thành, Bình Sơn, Bình Hòa

Người chứng thư nhì

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

Cư-trú tại Tân Thành, Bình Sơn, Bình Hòa

Làm tại Xã , ngày năm

NGƯỜI KHAI HỌ - TÊN NHÃN CHỨNG

Lê Thị Hồng Miao

(đỗ tên)

Tôn Sĩ Nhân 1/ Nguyễn Văn Tý (đỗ tên)

(đỗ tên và dấu) 2/ Nguyễn Văn Tý (đỗ tên)



Handwritten signature and notes.

Handwritten signature.



KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHÌ TRẦN-LÊ-HOÀNG
 Phái nam
 Sinh ngày 12 tháng 02 năm 1988
 (Ngày, tháng, năm) sinh tại một nhà một ngàan chín trên
 Tại Đã khai một (12/02/1988)
Tân An, Ninh Sơn, Ninh Hòa
 Cha Trần Lê Hoàng
 (Tên, họ) //
 Tuổi //
 Nghề-nghiep //
 Cư-trú tại //
 Mẹ Trần Thị Ngọc Thanh
 (Tên, họ) sinh năm 1980
 Tuổi 18
 Nghề-nghiep học tập
 Cư-trú tại Tân An, Ninh Sơn, Ninh Hòa
 Vợ-chồng hay thư //
 Người khai Đỗ Thị Hồng Đào
 (Tên, họ) sinh năm 1980
 Tuổi 08
 Nghề-nghiep học tập
 Cư-trú tại Tân An, Ninh Sơn, Ninh Hòa
 Ngày khai Ngày 13 tháng 02 năm 1988
 Người chứng thư nhất Nguyễn Văn Ty
 (Tên, họ) sinh năm 1941
 Tuổi 47
 Nghề-nghiep học tập
 Cư-trú tại Tân An, Ninh Sơn, Ninh Hòa
 Người chứng thư nhì Nguyễn Văn Ty
 (Tên, họ) sinh năm 1930
 Tuổi 58
 Nghề-nghiep học tập
 Cư-trú tại Tân An, Ninh Sơn, Ninh Hòa

Lưu tại Xã Ninh Sơn, ngày 13/02/ năm 19 88
 NGƯỜI KHAI Đỗ Thị Hồng Đào HỌ - LẠI Đỗ Thị Hồng Đào NHÂN CHỨNG 74

Đỗ Thị Hồng Đào Tân An, Ninh Sơn 1/ Nguyễn Văn Ty (họ tên)
 (họ tên) (họ tên và dân) 2/ Nguyễn Văn Ty (họ tên)

PHÒNG-TỔNG QUẢN LÝ SỞ QUẢN



Chữ
 Chữ Chữ



112

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHI TRẦN-LÊ-HÒA (Song-thai)

PHAI Nam

Sinh Ngày một tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (-01/03/1972)
(Ngày, tháng, năm)

Tại Tân Khánh, Ninh-sim, Ninh-Hòa

Cha //////
(Tên, họ)

Tuổi //////

Nghề-nghiep ////

Cư-trú tại ////

Mẹ TRẦN-THI-NGỌC-THANH

(Tên, họ) Tuổi Sinh năm 1950

Nghề-nghiep Nội Trú

Cư-trú tại Tân Khánh, Ninh-sim, Ninh Hòa

Vợ chánh huy thư Vợ Chánh

Người khai Hồ Thị Hồng Dươ

(Tên, họ) Tuổi Sinh năm 1930

Nghề-nghiep Cô Dũ

Cư-trú tại Tân Khánh, Ninh-sim, Ninh Hòa

Ngày khai Ngày 03 tháng 03 năm 1972

Người chứng thư nhất Nguyễn Văn Ty

(Tên, họ) Tuổi Sinh năm 1941

Nghề-nghiep Y Tá

Cư-trú tại Tân Khánh, Ninh-sim, Ninh Hòa

Người chứng thư nhì Phạm Tấn Thanh

(Tên, họ) Tuổi Sinh năm 1942

Nghề-nghiep Buôn bán

Cư-trú tại Tân Khánh, Ninh-sim, Ninh Hòa

Làm tại Xã Ninh-sim, ngày 03/03/ năm 1972

NGƯỜI KHAI, HỌ-LAI, NHÂN CHỨNG,

Hồ Thị Hồng Dươ Tôn Sĩ Hiên I/ Nguyễn Văn Ty (Ký tên)
(Ký tên) (Ký tên và dấu) 2/ Phạm Tấn Thanh (Ký tên)



Handwritten signature

Handwritten text: Đơn số 12/1972

-Căn cứ theo QĐ số 210 của Sở Tư Pháp V/v thay đổi họ và thêm tên cha vào khai sinh.

Trần Lê Hòa, nay đổi là:

LÊ TRẦN HÒA và tên cha: LÊ NGỌC HÒA

-// ngày 12/12/1988

TM. UBND P.17

P. Chu Tịch



TRẦN-LÊ-HÒA
TÊN MỚI ĐƯỢC CHẤM-KÝ
SỐ QUÂN QUẢN LÝ
Ngày 05-0-1970

KHAI - SANH



-Căn cứ theo QĐ số
210 của Sở Tư Pháp
V/v thay đổi họ và
thêm tên cha vào
khai sinh

Trần Lê Hiệp, nay
đổi là :

LÊ TRẦN HIỆP, và
tên cha: LÊ NGOC HÒ

-//cây 12/12/1998

TH. UBND PHƯỜNG 17
P. CHỦ TỊCH



TÊN HỌ XU-NHỊ

TRẦN-LÊ-HIỆP (Song thai)

Phái

Nam

Sinh: Ngày một tháng ba năm một ngàn chín trăm

(Ngày, tháng, năm)

lấy mười hai (01/03/1972)

Tại

Tân Khánh, Ninh sim, Ninh Hòa

Cha

////

(Tên, họ)

Tuổi

////

Nghề-nghiep

////

Cư-trú tại

///

Mẹ

TRẦN-THỊ-NGỌC-THANH

(Tên, họ)

Tuổi

Sinh năm 1950

Nghề-nghiep

Nội Trú

Cư-trú tại

Tân Khánh, Ninh sim, Ninh Hòa

Vợ chánh hay thứ

////

Người khai

Hồ-Thị-Hồng-Dươ

(Tên, họ)

Tuổi

Sinh năm 1930

Nghề-nghiep

Cô Dũ

Cư-trú tại

Tân Khánh, Ninh sim, Ninh Hòa

Ngày khai

Ngày 03 tháng 03 năm 1972

Người chứng thư nhất

Nguyễn Văn Ty

(Tên, họ)

Tuổi

Sinh năm 1941

Nghề-nghiep

Y tá

Cư-trú tại

Tân Khánh, Ninh sim, Ninh Hòa

Người chứng thư nhì

Phạm Tấn Thanh

(Tên, họ)

Tuổi

Sinh năm 1942

Nghề-nghiep

Suón bán

Cư-trú tại

Tân Khánh, Ninh sim, Ninh Hòa

Lưu tại X. Ninh sim, ngày 03/03/ năm 1972

NGƯỜI KHAI,

HỌ - LẠI,

NGƯỜI CHỨNG,

Hồ Thị Hồng Dươ
(Ký tên)

Tôn Sĩ Hiên (Ký tên và dấu) / Nguyễn Văn Ty (Ký tên)
2/ Phạm Tấn Thanh (Ký tên)



CHỖ DẤU VÀ CHỮ KÝ

17/03/1972

17/03/1972

17/03/1972

17/03/1972

17/03/1972

17/03/1972

17/03/1972

17/03/1972

17/03/1972

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh : Bình Hòa

Quận : Bình Hòa

Xã : Bình An

Số hiệu :

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SINH

Lập ngày 10 tháng 01 năm 1971

-Căn cứ theo QĐ số 210
V/v thay đổi họ và tên
tên cha vào khai sinh

Trần Lê Phi Yến, nay đổi
là : LÊ TRẦN PHI YẾN
và tên cha là :
LÊ NGỌC HỒ

-/)/gày 12/12/1988
TM. UBND PHƯỜNG 17
P. CHỦ TỊCH

Tên họ đứa trẻ : Trần Lê Phi Yến .
Con trai hay con gái : Nữ
Ngày sinh : ngày chín tháng tư năm một nghìn chín
trăm bảy mươi ba (9/4/1973)
Nơi sinh : Tân Định , Thủ Đức , Bình Hòa
Tên họ người cha : // // // //
Tên họ người mẹ : Trần Thị Ngọc Thanh .
Vợ chánh hay không
có hôn thú : // // // //
Tên họ người đứng khai : Hồ Thị Hồng Liên



PHÒNG QUẢN LÝ HỘ KHẨU
QUẬN BÌNH HÒA
SỐ QUẢN LÝ HỘ KHẨU : 03

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH
Bình Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 1971

Viện Chức Hộ-Tịch,
Lã Trưởng Khoa Hộ-Tịch
HÀNH CHỨC
XẾ HỮU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN GÒ-VẤP

XÃ

Phật-Trần-Thạnh-Mỹ-Tây

Lập ngày 7 tháng 1 năm 1975

Số hiệu 26

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

- Căn cứ theo QĐ số 210
V/v thay đổi họ và
tên cha

Trần Lê Kim Yến
nay đổi là Lê Trần
Kim Yến và tên cha
là : Lê Ngọc Hồ

-//Ngày 12/12/1988
TM. UBND PHƯỜNG 17

Tên họ của trẻ . . .

Con trai hay con gái .

Ngày sinh

Nơi sinh

Tên họ người cha . . .

Tên họ người mẹ . . .

Vợ chồng hay không có
hôn thê

Tên họ người đăng khai .

TRẦN LÊ KIM YẾN

NỮ

Ngày hai, tháng giêng, năm một ngàn
chín trăm bảy mươi lăm (1975)

Thạnh Mỹ Tây

TRẦN THỊ NGỌC TRINH

PHAN THỊ KIM CÚC

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

Thị trấn Mỹ Tây ngày 8 tháng 1 năm 1975

Thị trấn Mỹ Tây Ủy-Viên Hộ-Tịch

CHANG-GUYEN

XÃ

THẠCH-MỸ-TÂY

QUẬN GÒ-VẤP

Phu

VỢ THỊ DUY



Thăng. Nhổ' 7.8.89.

Kính thưa Bà và Quý Hôn!

Nhận được thư Bà ngày 13.5.89, thấy thật cảm ơn Bà và Quý Hôn có những lời an ủi và những dân thủ tục các chứng tình. Mới đến hôm nay (7.8.89) tôi mới hoàn thành tờm hồ sơ (vừa mới nhập được hồ khẩu của tôi và 2 con ngày 25.7.89) để gửi qua cho Bà và quý Hôn. Vì là 1 gia đình toàn bộ là quân đội (chưa cưới là Đại tá Trần Văn Hào, cái tạo về 88 bị mất 12/88, Đại úy Trần Văn Thìn phải đi trưng dư ra đi năm 85 liền ở tại Mỹ, Anh và em rõ là tử sĩ? Đại úy Trần Công Thành (8418 mất tại Lào Lài), Chuẩn úy Trần Huỳnh Phước (TK Vĩnh Long) mất tại Vũng Lấp, Hạ sĩ Trần Trung An (8425) mất tại Dân Bình.

Trong 1 gia đình như vậy, thì điều gì đã đến với vợ con tôi, họ phải đi kinh tế mới tại Tha La (tây Ninh) năm

1976 với 1 đàn con 6 đứa, đứa nhỏ nhất 1 tuổi, lớn nhất 7 tuổi, và hiện nay có lẽ Bà và quý Hôn cũng khỏe rồi, Hôn không phải nỗi vất vả.

Tôi mong với ở Bà và quý Hôn thật sự giúp đỡ cho chúng tôi và nhất là trông coi của các con Hôn, tôi không muốn chúng phải đi lính. Chúng tôi muốn được thăm qua Mỹ, và đi các tầng lớp. Ngươi biết rõ Hôn và tôi con tôi hiện ở tại Washington là ông Phạm Đình Niêm. Kính chào và kính chúc sức khỏe của Bà và quý Hôn.

Kính.

Lê Ngọc Hôn.

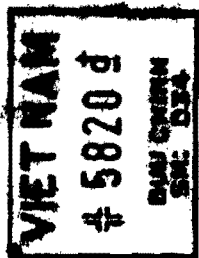
472 Phố Bình Phú.

Phường 18 - Bình Thạnh.

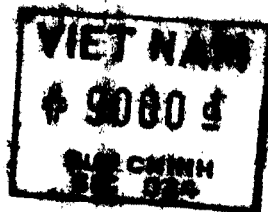
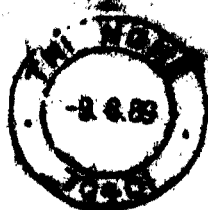
Thân ái H.C.M.

Chau

14 820



PARAVION

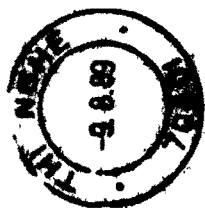


KINH GỎI: BÃ: KHUẾ MINH-THỎ

P.O. BOX 5435

ARLINGTON. V.A. 22205-0635.

USA



PARAVION

lil & tuc
bi N

NGƯỜI GỎI: LÊ-NGOC-HO

H72 Điện Biên Phủ, Phường 7.

Pring Thanh, Thành Phố Hồ Chí Minh.
VIỆT NAM.

BUU CHÍ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Administration des P
de la R. S. du Viet-nam

(1)



GIẤY BẢO

Avis de (2)

Nhận
Réception
Trả tiền
Payement

Nhật ấn Bureau
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis



Địa chỉ :
Adresse

(3)

Đào Văn Pháo
93/6/14 Xô Viết Nghệ Tĩnh FT BT
& Hà Nội (City) nước (Pays) Vietnam

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion ».
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas)
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

(1)

Do Bưu cục gởi
A remplir par le bureau d'origine

ký gửi tại Bưu cục _____

déposé au bureau de poste de _____

ngày _____

le _____

địa chỉ người nhận _____

Adresse du destinataire _____

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày _____

le _____

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên
Bưu cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

Nhập ấn bưu cục nhận
Timbre du bureau
destinataire

Gửi ở Bưu cục nhận
A remplir à destination

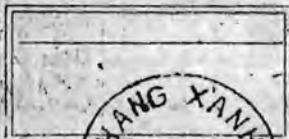
BÍ CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký được ủy quyền
Nếu phát chậm ghi lý do như "Người nhận báo lần thứ 3 mới đến"

BƯU CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Administration des Postes
de la R. S. du Việt Nam

(1)



MÁY BAY
BƯU CHÍNH
PAR AVION
Service des Postes

GIẤY BÁO

Avis de (2)



Nhân
Nhận

Trả tiền
Pay

BĐ. 29

(29 và 29a cũ)



01 X 51 - 7 0 FM

Địa chỉ:

Adresse:

(3)

ở (d)

Số Ngạc
472 Điện Biên Phủ phường 17
Quận Bình Thạnh nước (Pays) Thành phố Hồ Chí Minh

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
 và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục gốc ghi

A remplir par le Bureau d'origine

Ghi ở Bureau cục nhận

A remplir à destination

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoi recommandé

T

Ký gửi tại Bureau cục
déposé au bureau de poste de
ngày 22/7/88
le 22/7/88

Hàng Xanh

Số 213
sous le n°

Địa chỉ người nhận
Adresse du destinataire

007 Panjabhum Building
127 Sathorn Tairad Bangkok
10100 Thailand Tel (008) 9268154

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré
ngày
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (r)

17 AUG 1988

Chữ ký nhân viên
Bureau cục nhận
*Signature de l'agent
du bureau destinataire*

Nhật ấn bưu cục nhận
*Timbre du bureau
destinataire*

ĐI CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

Lê Ngọc Hồ -
472 Điện Biên Phủ -
Phước 17 - Quận Bình Thạnh
Thành phố HCM (VN) -



- ~~đang~~ Xăng
- 5 x
- 4/c bỏ túi

OCT 04 1988

Hội Từ Nhân Chính trị
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635



60

42

Xin quý thin ghi tên
Lê ngọc Hồ, Đại úy
vũ Đao văn Phái
vào danh sách các tù nhân sinh
thi để được xin qua đĩnh cơ
ở Mỹ -
Minh cảm ơn quý thin

hàng 2 năm 1930

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị逮:

Số 472 Đường Phan thanh Giản, Khóm 4, P 2, Quận Thạnh Mỹ Tây, SG
Can tội: Đại úy sư lý hương vụ

Bị bắt ngày: 23/6/1975 An phạt: TTCT

Theo quyết định, án văn số: / ngày tháng năm của:

Đã bị tãng án: lần, cộng thành: năm tháng

Đã được giảm án: lần, cộng thành: năm tháng

Nay về cư trú tại: Số 139 Tổ 26, ấp 2, xã thà la, Tân Biên, Tây Ninh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Trong thời gian cải tạo tại trại đã có biểu
hiện tiến bộ, tin tưởng vào đường lối giáo dục của Đảng và
Nhà nước.

Lao động: Đảm bảo được ngày công. Nội quy chấp hành tốt
chưa có gì sai phạm lớn.

Hàng năm xếp loại cải tạo trung bình.

Lên tay ngôn trò phải
Của: Lê ngọc Hồ
Danh hân số: 7984
Lập tại: Quân pháp

Họ, tên, chức
người được có giấy

Ngày 28 tháng 2 năm 1980

K.T. Giám thị
Phó giám thị

Lê ngọc Hồ

Thượng tá: Phùng viết Bân

Số HSLĐ 10101131718121712121

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 902 ngày 12 tháng 2 năm 1930

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Lê ngọc Hồ

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1940

Nơi sinh: Châu thành, Long an.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

Số 472 Đường Phan thanh Giản, Khóm 4, P 2, Quận Thạnh Mỹ Tây, SG

Cán tội: Đại lý sự lý hương vụ

Bị bắt ngày 23/6/1975

Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số này tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại Số 139 Tổ 26 ấp 2, Xã tha la, Tân Biên, Tây Ninh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Trong thời gian cải tạo tại trại đã có biểu hiện tiến bộ, tin tưởng vào đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Lao động: Đảm bảo được ngày công. Nội quy chấp hành tốt chưa có gì sai phạm lớn.

Hàng năm xếp loại cải tạo trung bình.

Lấn tay ngón trái phải

Của Lê ngọc Hồ

Danh bản số 7984

Lập tại Quân pháp

Họ, tên, chức vụ người được cấp giấy

Tham

Ngày 28 tháng 2 năm 1980

K/T Giám thị
Phó giám thị

Lê ngọc Hồ

Thượng tá Phùng viết Bạt



393 - 0339 -

C O N T R O L

____ Card
____ X Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

4/19/89 form